

Bản án số: 427/2020/DSPT

Ngày: 11/11/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Toàn Giang

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Minh Hoàng

Ông Trương Chí Anh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan- Kiểm sát viên.

Ngày 11/11/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 411/2020/DSPT ngày 08/10/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DSST ngày 21/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 445/2020/QĐ-PT ngày 22/10/2020 và QĐ hoãn phiên tòa số 556/2020/QĐ-PT ngày 29/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Phạm Thị Luận - sinh năm 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Hạ, xã Phùng Xá, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

**** Bị đơn:*** Bà Hoàng Thị Khuyên - sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Đội 14, Thôn Hạ, xã Phùng Xá, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Đỗ Trung Cường - sinh năm 1971 (vắng mặt)

2. Ông Đỗ Ngọc Long - sinh năm 1961 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Hạ, xã Phùng Xá, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Luận trình bày: Năm 2011, bà có cho bà Hoàng Thị Khuyên vay tiền nhiều đợt tổng là 135.000.000 đồng. Việc vay tiền ban đầu không viết giấy tờ mà chỉ thỏa thuận miệng, vay có lãi. Đến ngày 24/3/2012 (03/3/2012 âm lịch) bà Hoàng Thị Khuyên đã viết giấy chót nợ gốc là 135.000.000 đồng; nợ lãi là 20.000.000 đồng. Sau đó từ năm 2012 đến năm 2016, bà Khuyên đã 06 lần trả cho bà Luận tổng số tiền nợ gốc là 135.000.000 đồng nhưng không trả tiền lãi. Cụ thể:

Lần 1 ngày 18/9/2012 (tức ngày 03/8/2012 âm lịch) trả 50.000.000 đồng.

Lần 2 ngày 17/02/2015 (tức ngày 29/12/2014 âm lịch) trả 10.000.000 đồng.

Lần 3 ngày 16/11/2015 (tức ngày 05/10/2015 âm lịch) trả 10.000.000 đồng.

Lần 4 ngày 07/02/2016 (tức ngày 29/12/2015 âm lịch) trả 5.000.000 đồng.

Lần 5 ngày 01/5/2016 (tức ngày 25/3/2016 âm lịch) trả 14.000.000 đồng.

Lần 6 ngày 15/11/2016 (tức ngày 16/10/2016 âm lịch) trả 46.000.000 đồng.

Bà Luận đã nhiều lần đòi trả tiền lãi nhưng bà Khuyên không trả. Nay bà Luận yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1/ Yêu cầu bà Khuyên trả 20.000.000 đồng số tiền lãi đã vay trong năm 2011 tính đến thời điểm chốt nợ ngày 24/3/2012 (03/3/2012 âm lịch).

2/ Yêu cầu bà Khuyên phải trả tiền lãi tại thời điểm vay cho đến ngày 15/11/2016 theo khoản 4 Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Yêu cầu bà Khuyên phải trả tiền lãi chậm trả từ ngày 16/11/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà Hoàng Thị Khuyên trình bày: Năm 2011 bà nhiều lần vay tiền của bà Luận, tổng số là 135.000.000 đồng, có lãi theo quy định của nhà nước và không xác định thời hạn trả nợ. Bà Khuyên có viết và ký vào giấy vay nợ của bà Luận như nguyên đơn xuất trình tại Tòa án là đúng. Đến ngày 24/3/2012 (03/3/2012 âm lịch) bà Khuyên đã chốt tổng tiền nợ bà Luận là 155.000.000 đồng, trong đó nợ gốc là 135.000.000 đồng; nợ lãi 20.000.000 đồng. Bà Khuyên chỉ đồng ý trả bà Luận 20.000.000 đồng tiền nợ lãi đã chốt đến ngày 24/3/2012 (03/3/2012 âm lịch) còn các khoản tiền lãi khác phát sinh bà Khuyên đã xin và bà Luận đồng ý. Bà Khuyên trả nợ xong cho bà Luận số tiền 135.000.000 đồng nợ gốc từ năm 2012 đến năm 2016, làm 6 lần như bà Luận trình bày là đúng.

Nay bà Luận khởi kiện đòi trả nợ lãi, bà Khuyên chỉ đồng ý trả 20 triệu đồng, không đồng ý trả thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đỗ Ngọc Long (chồng bà Luận) trình bày: Số tiền bà Khuyên vay nợ 135.000.000 đồng là có thật và là tiền chung của vợ chồng ông bà. Tuy bà Khuyên đã trả xong nợ gốc nhưng chưa thanh toán được nợ lãi, ông Long đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả vợ chồng ông tiền nợ lãi như nguyên đơn yêu cầu.

- Ông Đỗ Trung Cường (chồng bà Khuyên) trình bày: Ông không biết việc vay nợ giữa bà Khuyên là vợ ông với vợ chồng bà Luận, ông Long. Ông Cường không ký vào giấy vay nợ nên không liên quan gì đến khoản nợ bà Luận đòi. Nay bà Luận khởi kiện yêu cầu bà Khuyên trả tiền nợ, ông Cường đề nghị Tòa án xác định đó là nợ riêng của bà Khuyên là vợ ông không liên quan gì đến ông.

Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DSST ngày 21/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức đã Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Luận. Buộc bà Hoàng Thị Khuyên phải trả vợ chồng bà Phạm Thị Luận, ông Đỗ Ngọc Long tổng số tiền nợ lãi là: 72.388.030 (Bảy mươi hai triệu ba trăm tám mươi tám nghìn không trăm ba mươi

đồng (Lãi trong hạn là 54.747.250 đồng; lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với số tiền lãi trong hạn là 17.640.780 đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, bị đơn là bà Hoàng Thị Khuyên kháng cáo về phần lãi vì giữa bà và bà Luận đã thỏa thuận miệng với nhau là không tính thêm khoản lãi nào nữa kể từ sau ngày chốt nợ. Bà chỉ đồng ý trả cho bà Luận 20 triệu đồng tiền lãi đúng như giấy chốt nợ ngày 03/3/2012.

Bà Phạm Thị Luận không kháng cáo, yêu cầu bà Khuyên phải trả bà 72.388.030 đồng tiền lãi như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên hôm nay:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết nội dung vụ án.

Đại diện VKSND thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí nên được coi là hợp lệ.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm về phần lãi chậm thực hiện nghĩa vụ của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đương sự có mặt, quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát ND TP Hà Nội, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Đơn kháng cáo của người kháng cáo trong thời hạn và đã nộp tạm ứng án phí là hợp lệ nên được chấp nhận.

Đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của bà Hoàng Thị Khuyên có nội dung không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm buộc bà phải trả cho bà Phạm Thị Luận toàn bộ số tiền nợ lãi phát sinh theo giấy chốt nợ lập ngày 03/3/2012.

Xét thấy: Các đương sự thừa nhận từ năm 2011 bà Khuyên đã nhiều lần vay tiền của bà Luận. Tại giấy chốt nợ lập 03/3/2012 đương lịch thể hiện, bà Hoàng Thị

Khuyên vay của bà Phạm Thị Luận 135.000.000 đồng và tiền lãi vay từ trước tính đến ngày 03/3/2012 là 20.000.000 đồng. Tổng số tiền vay nợ là 155.000.000 đồng.

Thỏa thuận giữa bà Phạm Thị Luận và bà Hoàng Thị Khuyên tại giấy chốt nợ lập ngày 03/3/2012 dương lịch là Hợp đồng vay tiền không kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Xác định kể từ ngày lập giấy chốt nợ lập 03/3/2012 dương lịch đến ngày 15/11/2016, bà Khuyên đã trả được cho bà Luận số tiền nợ gốc 135.000.000 đồng, qua 6 lần trả nợ như sau:

Ngày 18/9/2012 (tức ngày 03/8/2012 âm lịch) trả 50.000.000 đồng,
Ngày 17/02/2015 (tức ngày 29/12/2014 âm lịch) trả 10.000.000 đồng,
Ngày 16/11/2015 (tức ngày 05/10/2015 âm lịch) trả 10.000.000 đồng,
Ngày 07/02/2016 (tức ngày 29/12/2015 âm lịch) trả 5.000.000 đồng,
Ngày 01/5/2016 (tức ngày 25/3/2016 âm lịch) trả 14.000.000 đồng,
Ngày 15/11/2016 (tức ngày 16/10/2016 âm lịch) trả 46.000.000 đồng.

- Về nợ lãi: Bị đơn là bà Khuyên chỉ đồng ý trả bà Luận 20.000.000 đồng nợ lãi theo thỏa thuận và chốt nợ giữa bà Luận và bà Khuyên tại giấy chốt nợ lập 03/3/2012 dương lịch. Sau ngày chốt nợ thì bà Khuyên đã xin bà Luận không phải trả lãi và bà Luận đồng ý. Do đó bà Khuyên không đồng ý trả các khoản tiền lãi phát sinh do bà Luận yêu cầu.

Ngoài ý kiến đã trình bày, tại cấp sơ thẩm và tại cấp phúc thẩm bà Hoàng Thị Khuyên không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh về việc hai bên đã thỏa thuận không tính lãi kể từ sau ngày chốt nợ. Vì vậy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị Khuyên.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Luận chỉ yêu cầu bà Hoàng Thị Khuyên phải trả các khoản tiền lãi theo giấy chốt nợ tính từ ngày 03/3/2012 âm lịch và trả tiền lãi tại thời điểm vay cho đến ngày 15/11/2016, tiền lãi chậm trả từ ngày 16/11/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2] Xác định hợp đồng vay tiền giữa bà Phạm Thị Luận và bà Hoàng Thị Khuyên là giao dịch dân sự được xác lập trước thời điểm Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực pháp luật (01/7/2016). Các bên không xác định rõ mức lãi suất và tranh chấp về lãi suất nên căn cứ khoản 2 Điều 476, khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 2, Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để tính lãi suất như sau:

- Lãi trong hạn của số tiền nợ gốc 135.000.000 đồng kể từ ngày 03/3/2012 âm lịch (tức ngày 24/3/2012) đến ngày 17/9/2012 = 178 ngày x 135.000.000 x 0,75%/tháng : 30 ngày = 6.007.500 đồng.

- Lãi trong hạn của số tiền nợ gốc 85.000.000 đồng kể từ ngày 18/9/2012 đến ngày 16/2/2015 = 882 ngày x 85.000.000 x 0,75%/tháng : 30 ngày = 18.742.500 đồng.

- Lãi trong hạn của số tiền nợ gốc 75.000.000 đồng kể từ ngày 17/2/2015 đến ngày 15/11/2015 = 272 ngày x 75.000.000 x 0,75%/tháng : 30 ngày = 5.100.000 đồng.

- Lãi trong hạn của số tiền nợ gốc 65.000.000 đồng kể từ ngày 16/11/2015 đến ngày 06/2/2016 = 83 ngày x 65.000.000 x 0,75%/tháng : 30 ngày = 1.348.750 đồng.
- Lãi trong hạn của số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng kể từ ngày 07/02/2016 (tháng 2/2016 năm nhuận có 29 ngày) đến ngày 30/4/2016 = 84 ngày x 60.000.000 x 0,75%/tháng : 30 ngày = 1.260.000 đồng.
- Lãi trong hạn của số tiền nợ gốc 46.000.000 đồng kể từ ngày 01/5/2016 đến ngày 15/11/2016 = 199 ngày x 46.000.000 x 0,75%/tháng : 30 ngày = 2.288.500 đồng.

Tổng nợ lãi trong hạn là 54.747.250 đồng.

- Lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với số tiền lãi trong hạn 54.747.250 đồng kể từ ngày 16/11/2016 đến ngày 20/01/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) = 1.160 ngày x 54.747.250 đồng x 10%/năm : 12 : 30 = 17.640.780 đồng.

Tổng số tiền lãi (bao gồm lãi trong hạn, lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền) của các khoản vay nêu trên là 72.388.030 đồng.

Đối với ông Đỗ Trung Cường là chồng bà Khuyên không biết việc vay nợ giữa bà Khuyên với bà Luận, không ký giấy vay nợ phát sinh từ hợp đồng vay riêng của bà Khuyên. Cấp sơ thẩm buộc bà Hoàng Thị Khuyên phải trả số tiền 72.388.030 đồng cho vợ chồng bà Phạm Thị Luận, ông Đỗ Ngọc Long là đúng.

[2.3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3] Về án phí: Bà Phạm Thị Luận không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Hoàng Thị Khuyên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 305, Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 147, Điều 148, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; điểm c khoản 1 Điều 2, Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị Khuyên. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 06/2020/DSST ngày 21/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức và quyết định như sau:

[1] Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Luận. Buộc bà Hoàng Thị Khuyên phải trả vợ chồng bà Phạm Thị Luận, ông Đỗ Ngọc Long tổng số tiền nợ lãi là: 72.388.030 đồng (Bảy mươi hai triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn, không trăm ba mươi đồng) (trong đó Lãi trong hạn là 54.747.250 đồng; lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với số tiền lãi trong hạn là 17.640.780 đồng).

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Thị Khuyên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.619.401 đ (ba triệu, sáu trăm mười chín nghìn, bốn trăm linh một đồng).

Hoàn trả bà Phạm Thị Luận 3.875.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AH/2010/ 0002318 ngày 26/ 6/2019 của Chi cục thi hành án huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hoàng Thị Khuyên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà Khuyên đã nộp tại biên lai số AH/2010/ 0002912 ngày 17/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TP Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP

Vũ Toàn Giang

